

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC X - T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HS-ST

Ngày: 17-7-2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC X - T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tươi

Bà Nguyễn Thị Hồng Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Anh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực X - T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực X - T mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 65/2025/TLST-HS ngày 26 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2025/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 7 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Lê Văn S, sinh ngày 05/9/198X tại T; nơi cư trú: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh T (Nay là T, xã T, tỉnh T); chỗ ở: XX P, xã X, huyện H, Thành phố H (Nay là XX P, xã B, T); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Đăng Đ và bà Lê Thị L; vợ Lê Thị K, có 02 người con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2024 đến ngày 08/01/2025 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

2. Lê Minh H, sinh ngày 09/02/2002 tại T; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh T (Nay là Thôn Y, xã T, tỉnh T); chỗ ở: Phòng số 13, nhà trọ Trần Văn H, tổ 12, ấp B 2, xã B, huyện H, Thành phố H (Nay là xã B, Thành phố H); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M và bà Vũ Thị H; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2024 đến ngày 08/01/2025 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

3. Trịnh Minh Q, sinh ngày 23/4/1997 tại T; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện N, tỉnh T (Nay là Thôn Y, xã T, tỉnh T); chỗ ở: ấp 2, xã V, huyện B, Thành phố H (Nay là xã T, Thành phố H); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Quang T và bà Nguyễn Thị M; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự; Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 30/12/2024 đến ngày 08/01/2025 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Dương T, sinh ngày 06/5/1979 tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: Ấp 3, xã H, huyện B, tỉnh B (Nay là Ấp Z, xã H, tỉnh Đ); nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Dương T (chết) và bà Phạm Thị D; vợ Trần Thị Mai K, có 02 người con; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Tại Bản án số 165 ngày 09/11/1998 của Tòa án nhân dân Thành phố N, tuyên phạt Nguyễn Dương T 20 năm tù về tội “Giết người và Trộm cắp tài sản công dân” đến ngày 05/11/2011 chấp hành xong bản án, đã xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 31/12/2024 đến ngày 08/01/2025 chuyển tạm giam cho đến nay (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Nguyễn Văn N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Đường 30/4 phường P, Thành phố T, tỉnh B (Nay là phường T, Thành phố H). Vắng mặt;

2. Nguyễn Văn V, sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn 7, xã T, huyện T, tỉnh T (Nay là xã L, tỉnh T). Vắng mặt;

3. Lê Sỹ H, sinh năm 2003. Địa chỉ: Thôn Ô, xã Y, huyện N, tỉnh T (Nay là xã C, tỉnh T). Vắng mặt;

4. Nguyễn Duy T, sinh năm 1959. Địa chỉ: ZZZP, xã B, huyện B, Thành phố H (Nay là xã B, Thành phố H). Vắng mặt;

5. Hà Đình H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh T (Nay là xã X, tỉnh T). Xin vắng mặt;

6. Cao Ngọc D, sinh năm 1977. Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện N, tỉnh T (Nay là Thôn G, xã T, tỉnh T). Vắng mặt;

- *Người chứng kiến:* Nguyễn Duy L, Phạm Thanh P. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2024, Lê Văn S quen biết một người đàn ông tên U (không rõ họ tên và địa chỉ) thông qua mạng xã hội Telegram, trong quá trình quen U thì Sơn có trao đổi và được biết U có bán pháo hoa nhập lậu (loại pháo

xuất xứ nước ngoài), không có hóa đơn chứng từ. Do không có tiền tiêu xài và đang thiếu nợ nên S hỏi mua lại pháo của U để bán kiếm lời. Sau đó, S có nói cho Nguyễn Dương T biết là S có nguồn pháo nhập lậu, lúc này T nói muốn mua lại của S sau đó sẽ bán lại cho khách để kiếm lời nên đến giữa tháng 12/2024 (không nhớ rõ ngày) S có liên hệ qua Telegram và đặt pháo các loại của U để bán lại, U đồng ý và hẹn gặp S tại khu vực cầu P, tỉnh B để giao hàng vào lúc 9 giờ tối cùng ngày. S đến nơi hẹn thì gặp U, U bán cho S 08 hộp pháo hoa nhập lậu (gồm 01 hộp loại 100 nòng, 01 hộp loại 88 nòng, 02 hộp loại 49 nòng, 04 hộp loại 09 nòng, toàn bộ có bao bì ghi nhãn hiệu Thái Lan) và 100 viên pháo banh, U bán cho S với giá chào hàng là 3.500.000 đồng, S đồng ý mua và thanh toán bằng tiền mặt cho U. Sau khi nhận pháo từ U, S trực tiếp liên hệ và bán lại cho Nguyễn Dương T 07 hộp pháo hoa và 100 viên pháo banh với giá 4.000.000đ và đã thanh toán tiền mặt, T nhận pháo của S xong thì đem về phòng trọ Lê Minh H (em vợ của S) ở phòng 4, nhà trọ 64/7, Nguyễn Thị Sóc, ấp B, huyện H, Thành phố H gửi H cất giấu và nói H kiếm người mua pháo để bán lại, H đồng ý. S còn 01 hộp pháo loại 100 nòng S mang về cất giấu để chào hàng nếu có khách đồng ý mua thì S sẽ nhập hàng về bán. Sau đó, S thuê H (em vợ của S), Trịnh Minh Q (bạn H) cùng phụ bán và trả tiền công cho H là 30 triệu đồng/tháng, Q 15 triệu đồng/tháng.

Khoảng cuối tháng 12/2024, thông qua các hội nhóm mua bán pháo trên không gian mạng (không nhớ là hội nhóm nào), S có quen một người đàn ông (không rõ lai lịch) hỏi mua pháo hoa loại 49 nòng. Sau đó, S liên hệ với U thì U báo giá hộp pháo loại 49 nòng giá 540.000 đồng/hộp. S báo giá lại với người mua là 670.000đ/một hộp, người này đồng ý mua và đặt S tổng cộng 250 hộp pháo với số tiền là 167.500.000đ, S đồng ý bán và hẹn giao pháo tại trạm thu phí cao tốc TP. H – T khu vực huyện B, tỉnh L vào ngày 30/12/2024, S và người đàn ông này đồng ý.

S kêu H đặt xe qua ứng dụng Lalamove để giao pháo về huyện B, H đồng ý và kêu Q đặt xe để đi giao pháo, Q đồng ý nên đặt xe qua ứng dụng Lalamove để đi giao hàng hóa ngày 30/12/2024. Sau khi đặt xe, S gọi cho U trưa ngày 30/12/2024 giao pháo đến chỗ nhận hàng Lalamove tại khu vực cầu Phú Cường, tỉnh B để giao cho xe shipper đi giao ở B, U đồng ý. U nguy trang pháo bằng cách bỏ pháo vào 14 thùng carton ghi bên ngoài “hạt điều rang muối”, sau đó chở đến bến xe ở thành phố T, tỉnh B thuê anh Nguyễn Văn N chở 14 thùng hàng đến bãi đất trống đầu đường Đ, phường P, thành phố T để giao cho Nguyễn Duy C là tài xế shipper Lalamove được Q đặt xe qua ứng dụng trước đó. Anh T nhận 14 thùng carton ghi bên ngoài “hạt điều rang muối” từ anh N giao và chất hàng lên xe ô tô biển số 50G-018.76 chở đi giao, H cung cấp biển số xe giao hàng của dịch vụ

Shipper biển số 50G-018.76, người điều khiển xe sử dụng số 0901437836 cho S nắm.

Cùng lúc này, S thuê Cao Ngọc D điều khiển xe ô tô 61K-107.58 chở S, Nguyễn Văn V, Hà Đình H và T đi tỉnh T nhậu nhưng mục đích riêng của S là đi lấy tiền pháo đang giao. Trên đường đi, S kêu D ghé vào tiệm bán rau để lấy rượu và rau nên D đồng ý, khi đến nơi D mở cốp xe cho S để rượu và rau nhưng thực tế S cất 01 hộp pháo loại 100 nòng, sau đó D tiếp tục chở S, V, H và T theo đường Cao tốc T – TP.H. Khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, D điều khiển xe đến trạm thu phí Cao tốc khu vực B thuộc ấp 1B, xã XX, huyện B (nay thuộc ấp 1B XX, xã B, tỉnh T) và T điều khiển xe biển số 50G-018.76 chở pháo cho S chạy phía sau xe S khoảng 100m, lúc này trạm thu phí bị kẹt xe nên dừng lại D và T cho dừng xe lại, lực lượng Công an huyện B và Cục cảnh sát giao thông kiểm tra xe giao hàng Lalamove mang biển số 50G-018.76 và xe biển 61K-107.58 thì phát hiện pháo trong xe, S khai nhận tất cả số pháo trong 02 xe là của S, Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong:

- 14 thùng giấy carton, trong đó 13 thùng bên trong có: 18 dàn pháo, 01 thùng bên trong có 16 dàn pháo, tổng cộng 250 dàn pháo khối hình chữ nhật có cùng kích thước 17x17cm, chiều cao 10cm, trên bao bì có ghi chữ nước ngoài, nhiều màu sắc, có kí hiệu KS4-4911X, mỗi khối có 49 ống, tổng trọng lượng 424kg.

- 01 hộp khối hình hộp chữ nhật có kích thước 24cm x 24cm x 10 cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong có 100 ống, khối lượng 3,8kg.

Qua lời khai của S, Cơ quan công an tiến hành khám xét tại nơi ở trọ của H tại H, TP. H, phát hiện. thu giữ và niêm phong: 01 thùng carton, bên trong chứa 01 hộp hình khối chữ nhật kích thước 18x25cm, cao 10cm, bên ngoài có bao bì bằng giấy nhiều màu sắc, chữ nước ngoài, ký hiệu KS4-8811; 02 hộp hình khối chữ nhật kích thước 16x16cm, cao 9cm, bên ngoài có bao bì bằng giấy nhiều màu sắc, chữ nước ngoài, ký hiệu KS4-49AB; 04 hộp hình khối hình trụ, kích thước 12,5x12,5cm, cao 20cm, bên ngoài có bao bì bằng giấy nhiều màu sắc, chữ nước ngoài, ký hiệu KS8-0915L và 01 túi nylon bên trong có 100 trái pháo dạng banh, nhiều màu sắc có dây nổ. Pháo trên của T mua từ S, gửi H giữ và giới thiệu người bán để kiểm lời.

Cơ quan CSĐT Công an huyện B có Quyết định trưng cầu giám định tất cả số pháo thu giữ, kết quả như sau:

Tại Bản kết luận giám định số: 8079/KL-KTHS ngày 03/01/2024 của Phân viện KHHS Bộ Công an tại Tp. H tiến hành giám định và kết luận:

- 01 khối hình hộp chữ nhật có kích thước 24cm x 24cm x 10 cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong có 100 ống gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao và phát ra ánh sáng màu. Khối lượng 3,8kg

- 250 khối hình hộp chữ nhật có kích thước 17cm x 17cm x 10 cm, bên ngoài bọc giấy nhiều màu sắc, bên trong mỗi khối có 49 ống gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao và phát ra ánh sáng màu. Khối lượng 420,2kg.

Tại Bản kết luận giám định số: 8080/KL-KTHS ngày 03/01/2024 của Phân viện KHHS Bộ Công an tại Tp. H tiến hành giám định và kết luận:

- 04 khối hình hộp chữ nhật, kích thước 13x13cm, cao 20cm, bên ngoài có bao bì bằng giấy nhiều màu sắc, bên trong mỗi khối có 9 ống gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Khối lượng 7,1kg.

- 02 khối hình hộp chữ nhật kích thước 17x17cm, cao 10cm, bên ngoài có bao bì bằng giấy nhiều màu sắc, bên trong mỗi khối có 49 ống gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Khối lượng 3,3kg.

- 01 khối hình hộp chữ nhật kích thước 26x29cm, cao 10cm, bên ngoài có bao bì bằng giấy nhiều màu sắc, bên trong có 88 ống gửi giám định là pháo nổ (pháo hoa nổ). Khi đốt bay lên cao, nổ và phát ra ánh sáng màu. Khối lượng 2,9kg.

- 01 túi nylon bên trong có chứa các vật hình cầu, vỏ nhựa nhiều màu sắc dạng quả bóng đá, đường kính 2,7cm, một đầu có gắn đoạn dây màu xanh gửi đi giám định là pháo nổ. Khối lượng 0,6kg.

Tất cả số pháo của vụ án được Cơ quan CSĐT Công an huyện B ra Quyết định xử lý vật chứng số 50/QĐ-ĐTTH, ngày 10/01/2025 về việc tiêu hủy số pháo trên. Công an huyện B thành lập hội đồng tiêu hủy và đã tổ chức tiêu hủy pháo theo đúng quy định vào ngày 14/01/2025.

Tại bản Cáo trạng số: 69/CT-VKSBL ngày 25/6/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T, tỉnh T) truy tố các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Dương T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q và Nguyễn Dương T hoàn toàn nhìn nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L (nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T) truy tố, không đưa ra chứng cứ nào minh oan, không có ý kiến thắc mắc, khiếu nại về kết luận giám định, đồng thời không khiếu nại đối với Cơ quan tiến hành tố tụng và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực X - T tham gia phiên tòa vẫn giữ y quan điểm như Cáo trạng đã truy tố các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T về tội danh và điều luật, đồng thời phân tích, đánh giá

tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Dương T về tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Văn S từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Minh H từ 08 năm đến 09 năm tù.

Bị cáo Trịnh Minh Q từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Nguyễn Dương T từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị xử phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T theo quy định tại khoản 4 Điều 190 Bộ luật Hình sự,

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN, tải trọng 930 kg, màu bạc, biển số 50G-018.76 thuộc sở hữu của Nguyễn Duy T, sử dụng nhận chở thuê trên App Lalamove, khi nhận hàng của S, H, Q thì thấy hàng hóa là “Hạt điều rang muối”, T không biết bên trong là pháo, nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh T xong nên không đề nghị xem xét.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsupishi Xpander, màu trắng, biển số 61K-107.58 thuộc sở hữu của ông Vũ Văn T cho Cao Ngọc D mượn để chở bạn đi B chơi, không biết S cất pháo trên xe, nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh T xong nên không đề nghị xem xét.

Đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước:

- 01 điện thoại Vivo Y53s, số Seri 1577005293001N2 của Lê Văn S sử dụng buôn bán pháo lậu.

- 01 máy tính nhãn hiệu Dell, trên máy có ký hiệu số 21000500678 của Lê Minh H dùng để nhập thông kê số liệu pháo.

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh, số IMEI 350002269243210; IMEI2 350002269121986; MEID 35000226924321 của Lê Minh H sử dụng để liên lạc buôn bán pháo lậu.

- 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ của Lê Minh H đưa cho Trịnh Minh Q sử dụng đặt giao hàng pháo trên App Lalamove và thông báo tình hình vận chuyển pháo cho H và S.

- 01 điện thoại di động IteI, bàn phím cơ màu đen của Nguyễn Dương T sử dụng để liên lạc với S và H buôn bán pháo lậu.

Đề nghị tịch thu tiêu hủy các số sim điện thoại gồm: khay sim số Imei 860420059013739 sử dụng sim 0967159456 và khay sim số Imei 860420059013721 sử dụng sim số 0921038727; Sim số 0338484321; sim số 0898801107.

- Đề nghị trả lại cho bị cáo Trịnh Minh Q 01 điện thoại di động Apple 11, màu đen không sử dụng điện thoại trên làm phương tiện để liên lạc buôn bán pháo lậu.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo biết hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh L (nay là Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B (nay là Viện kiểm sát khu vực X - T), Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Quá trình điều tra vụ án, các bị cáo đã được thông báo nội dung Bản kết luận giám định số 8079/KL-KTHS ngày 03/01/2025, Bản kết luận giám định số 8080/KL-KTHS ngày 01/01/2025 của Phân viện KHHS Bộ Công an tại Tp. H. Các bị cáo thống nhất, không khiếu nại về nội dung kết luận giám định.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người chứng kiến vắng mặt nhưng những người này đã có lời khai trong quá trình điều tra và việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử nên căn cứ Điều 292, 296 Bộ luật Tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ theo thủ tục tố tụng hình sự.

[2]. Xét nội dung vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ

liên quan; người chứng kiến, biên bản bắt người phạm tội quả tang, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với nội dung cáo trạng. Trên cơ sở đó có đủ căn cứ kết luận: Trong tháng 12/2024, bị cáo Lê Văn S mua từ U (không rõ lai lịch) 02 lần pháo nổ nhập lậu để bán lại kiếm lời với tổng trọng lượng 437,9kg, bị cáo S thuê các bị cáo Lê Minh H, Trịnh Minh Q cùng phụ bán pháo và trả công theo tháng, cụ thể:

Lần 01: Vào khoảng tháng 12/2024 (không nhớ rõ ngày), S mua từ U 08 hộp pháo hoa nhập lậu và 100 viên pháo banh với giá 3.500.000 đồng, S bán lại cho Nguyễn Dương T 07 hộp pháo hoa và 100 viên pháo banh tổng trọng lượng 13,9 kg với giá 4.000.000đ, T đem về phòng trọ H ở phòng 4, nhà trọ 64/7, Nguyễn Thị S, ấp B, huyện H, Thành phố H gửi H cất giấu và nhờ H kiếm người mua pháo để bán lại, H đồng ý. S giữ lại 01 hộp pháo hoa nặng 3,8kg, S thu lợi được 500.000đ.

Lần 2: Khoảng cuối tháng 12/2024, S đặt mua 250 hộp hoa loại 49 nòng pháo tổng trọng lượng 420,2kg với giá 540.000 đồng/hộp của U, sau đó S bán lại toàn bộ pháo cho người đàn ông (không rõ lai lịch) 670.000đ/một hộp, Sáng ngày 30/12/2024, S kêu H và Q đặt xe Lalamove đi giao pháo từ khu vực cầu P, tỉnh B giao cho xe shipper đi giao ở B, S ngụy trang pháo đựng trong thùng carton ghi bên ngoài “hạt điều rang muối” giao cho Nguyễn Duy C là tài xế shipper Lalamove được Q đặt xe qua ứng dụng đi giao hàng, H đưa số điện thoại của anh T cho S để tiện liên hệ hành trình. Cùng lúc này, S thuê anh Cao Ngọc D điều khiển xe ô tô 61K-107.58 chở S, Nguyễn Văn V, Hà Đình H và T đi tỉnh T nhập nhưng mục đích riêng của S là đi lấy tiền pháo đang giao, khi đi S có đem theo 01 hộp pháo hoa cất ở cốp xe.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, xe anh D và xe anh T chạy cách nhau khoảng 100m cùng bị kẹt tại trạm thu phí Cao tốc khu vực B thuộc ấp 1B, xã XX, huyện B (Nay là ấp 1B XX, xã B) thì bị lực lượng Công an tiến hành kiểm tra phát hiện trên xe anh D đang chở 01 hộp pháo hoa và xe anh T đang chở 250 hộp pháo hoa, tất cả số pháo hoa 02 xe là của S. Khám xét phòng trọ H thu giữ 07 hộp pháo hoa và 100 viên pháo banh của T mua từ S để bán lại.

Từ căn cứ trên, xét thấy hành vi của các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q đã đủ yếu tố cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Nguyễn Dương T tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh L (Nay là Tòa án nhân dân khu vực X - T) đã truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi trái pháp luật của các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T là rất nguy hiểm cho xã hội, Hành vi này đã xâm hại trực tiếp đến quy định của Nhà nước về quản lý, sản xuất, kinh doanh một số loại hàng cấm mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội về việc quản lý kinh tế tại địa phương. Khi thực hiện hành vi, các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của các bị cáo gây ra là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn bất chấp pháp luật thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp.

Xét về hình phạt, các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q phạm tội có tổ chức, có phân công vai trò trách nhiệm để thực hiện hành vi phạm tội cho đến khi bị bắt quả tang. Cụ thể bị cáo S là người rủ rê thuê bị cáo H, Q và liên hệ mua bán ma túy, bị cáo H ghi sổ sách theo dõi việc mua bán, bị cáo Q đặt xe đi giao nhận hàng nên mức hình phạt được áp dụng đối với bị cáo S cao hơn các bị cáo H, Q trong vụ án có đồng phạm. Tuy nhiên xét thấy bị cáo S khai nhận hành vi phạm tội trước khi bắt quả tang nên Cơ quan điều tra bắt bị cáo T về hành vi “Mua bán hàng cấm”. Xét mức độ hành vi, hậu quả các bị cáo gây ra nên áp dụng mức hình phạt đối với các bị cáo bằng nhau và cần áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3]. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q phạm tội có tổ chức là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn S phạm tội 02 lần là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Nguyễn Dương T phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4]. Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải, các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H có hoàn cảnh khó khăn, gia đình có người tham gia cách mạng, các bị cáo Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Lê Văn S ngoài lần phạm tội quả tang tự thú hành vi phạm tội trước đó và phối hợp với cơ quan điều tra làm sáng tỏ vụ án nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó khi lượng hình có xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T còn chịu hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 190 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo trình bày không có công việc ổn

định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T.

[6] Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng hình phạt tù có thời hạn và mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T là phù hợp nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[7]. Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- 01 xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN, tải trọng 930 kg, màu bạc, biển số 50G-018.76 thuộc sở hữu của Nguyễn Duy T, sử dụng nhận chở thuê trên App Lalamove, khi nhận hàng của S, H, Q thì thấy hàng hóa là “Hạt điều rang muối”, T không biết bên trong là pháo, nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh T xong nên không xem xét.

- 01 xe ô tô nhãn hiệu Mitsupishi Xpander, màu trắng, biển số 61K-107.58 thuộc sở hữu của ông Vũ Văn Thuận cho Cao Ngọc D mượn để chở bạn đi B chơi, không biết S cất pháo trên xe, nên cơ quan điều tra đã trả lại xe cho anh Thuận xong nên không xem xét.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước các tài sản liên quan đến hành vi phạm tội gồm: 01 điện thoại Vivo Y53s, số Seri 1577005293001N2, 01 máy tính nhãn hiệu Dell, trên máy có ký hiệu số 21000500678; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh, số IMEI 350002269243210; IMEI2 350002269121986; MEID 3500022692432; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ. 01 điện thoại di động ITEL, bàn phím cơ màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy các số sim điện thoại gồm: khay sim số Imei 860420059013739 sử dụng sim 0967159456 và khay sim số Imei 860420059013721 sử dụng sim số 092103872; Sim số 0338484321; sim số 0898801107.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Minh Q 01 điện thoại di động Apple 11, màu đen không liên quan đến hành vi phạm tội.

[8]. Đối với người đàn ông tên U là người bán pháo cho S, S chỉ liên lạc với U qua Intergram, S không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể của người đàn ông tên U nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[9]. Đối với chủ thuê bao 0921287729 là người liên lạc với Lê Văn S để đặt mua 250 hộp pháo lậu. Cơ quan CSĐT có công văn số 1528/CV-CSĐT(CSKT) ngày 06/05/2025 yêu cầu Vietnamobile cung cấp thông tin chủ thuê bao nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Do không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể của chủ thuê bao nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý. Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh, điều tra, xử lý khi có kết quả.

[10]. Đối với Cao Ngọc D tài xế xe ô tô nhãn hiệu Mitsupishi Xpander, màu trắng, biển số 61K-107.5 nhận chở Lê Văn S đi miền Tây ngày 30/12/2024 không biết S để Pháo lên xe, do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Cao Ngọc D.

[11]. Đối với Hà Đình H và Nguyễn Văn V cùng có mặt với Lê Văn S trên xe ô tô nhãn hiệu Mitsupishi Xpander, màu trắng, biển số 61K-107.5 bị cơ quan Công an kiểm tra, phát hiện trên xe có chở theo 01 dàn pháo lậu loại 100 viên. H và V hoàn toàn không biết trên xe có chở theo pháo lậu, chỉ biết là S rủ đi miền tây mục đích là đi nhậu. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Hà Đình H và Nguyễn Văn V.

[12]. Đối với Lê Sỹ Huy cùng sinh sống với Lê Minh H tại phòng trọ số 13, nhà trọ H, tổ 12, ấpB 2, xã B, huyện H, Tp. H tại thời điểm khám xét ngày 30/12/2024. Huy hoàn toàn không biết việc Lê Minh H hoạt động buôn bán pháo lậu, do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Lê Sỹ H.

[13]. Đối với tài xế Nguyễn Duy T điều khiển xe ô tô nhãn hiệu DONGBEN, tải trọng 930 kg, màu bạc, biển số 50G-018.76 chở theo 14 thùng carton chứa 250 dàn pháo lậu, T nhận đơn trên App Lalamove vận chuyển theo yêu cầu của người tên "Hùng" số điện thoại 0567.845.957 chở 14 thùng hàng đi giao cho người tên "Xuân" tại Trạm thu phí B, giá vận chuyển là 504.016đ. Khi nhận hàng, T thấy 14 thùng giấy được dán kín, bên trên thùng giấy có ghi dòng chữ là "hạt điều" chứ không hề biết bên trong là pháo nổ nhập lậu từ nước ngoài. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Duy T.

[14]. Đối với Nguyễn Văn N là tài xế xe ba gác chở pháo từ khu đất trống đến gần cầu P để giao lên xe vận chuyển của Lalamove, N khai nhận ngày 30/12/2024 có người nam thanh niên thuê N chở mấy thùng “hạt điều” với giá 150.000 đồng, hoàn toàn không biết bên trong là pháo nổ nhập lậu. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với Nguyễn Văn N

[15]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T phạm tội “Buôn bán hàng cấm”.

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Lê Văn S 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2024

- Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 50, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt:

Bị cáo Lê Minh H 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2024

Bị cáo Trịnh Minh Q 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/12/2024

- Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 190, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50 Bộ luật Hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Dương T 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2024

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (là ngày 17/7/2025) để đảm bảo việc thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại Vivo Y53s, số Seri 1577005293001N2, 01 máy tính nhãn hiệu Dell, trên máy có ký hiệu số 21000500678; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Iphone 12 Pro max màu xanh, số IMEI 350002269243210; IMEI2 350002269121986; MEID 35000226924321; 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Oppo A3s màu đỏ; 01 điện thoại di động ITEL, bàn phím cơ màu đen.

- Tịch thu tiêu hủy các số sim điện thoại gồm: khay sim số Imei 860420059013739 sử dụng sim 0967159456 và khay sim số Imei 860420059013721 sử dụng sim số 0921038727; Sim số 0338484321; sim số 0898801107.

- Trả lại cho bị cáo Trịnh Minh Q 01 điện thoại di động Apple 11, màu đen (Vật chứng trên do Phòng Thi hành án dân sự Khu vực X, T quản lý theo biên bản giao nhận tài liệu, vật chứng ngày 10/7/2025)

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Lê Văn S, Lê Minh H, Trịnh Minh Q, Nguyễn Dương T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung ngân sách Nhà nước.

4. Án xử sơ thẩm tuyên án công khai. Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày

niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực X -T;
- VKSND tỉnh T;
- Cơ quan CSĐTCA tỉnh T;
- Phân trại tạm giam khu vực III;
- THADS tỉnh T;
- Lưu: Ấn văn, Hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Kim Thanh

